

Bản án số: 288/2018/HS-ST

Ngày: 23/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Ngôn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhung

2/ Ông Trần Ngọc Thực

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tô Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 432/2018/HSST, ngày 23/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3413/2018/QĐXXST-HS, ngày 01/8/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Cao Mai T; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1984 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Thường trú: 143 Trương Công Định, phường Q, thành phố W, tỉnh E; Chỗ ở: C17-01 Oriental Plaza, số 685 Âu Cơ, phường R, quận T, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T2 và bà Cao Thị M; Hoàn cảnh gia đình: chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 26/10/2017 - Có mặt.

2. Trần Hồng P; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1988 tại tỉnh Đồng Tháp; Thường trú: Ấp 2, xã U, huyện I, tỉnh O; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hồng P2 và bà Nguyễn Thị Đ; Hoàn cảnh gia đình: chồng (không rõ) và 01 con (sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 26/10/2017 - Có mặt.

3. Lê Thị Bích C; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1977 tại tỉnh Tây Ninh; Thường trú: Ấp 1, xã P, huyện A, tỉnh S; Chỗ ở: phòng 205, khách sạn New Sky, số 22 Nguyễn Đình Chiểu, Phường D, quận F, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H1 (chết) và bà Nguyễn Thị H2 (chết); Hoàn cảnh gia đình: có chồng là Bò Văn H3 (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2003); Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 13/9/2000 Tòa án nhân dân huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/HSST.

- Ngày 19/4/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/HSST.

- Ngày 17/3/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2006/HSST. Tổng hợp hình phạt của bản án: 91/HSST ngày 19/4/2004 buộc bị cáo Lê Thị Bích C phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 24/10/2017 - Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa:*

Ông Đỗ Ngọc Oánh là luật sư của Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc Oánh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Cao Mai T – Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Đỗ Duy B Sinh năm: 1984
Thường trú: 33/5 khu phố 2, phường H, Quận J, Thành phố Y – Vắng mặt.

+ Ông Trần Hồng P Sinh năm: 1958
Thường trú: xã Z, huyện X, tỉnh C – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ, ngày 24/10/2017, tại trước nhà số 145, đường số 5, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Công an quận Bình Tân phối hợp cùng Công an phường Bình Hưng Hòa kiểm tra hành chính xe ô tô mang biển số: 51F - 442.91 được điều khiển bởi lái xe Nguyễn Văn Đ. Qua kiểm tra phát hiện trong hộc cửa xe bên phải, phía trước có 01 hộp thuốc lá hiệu Hero bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể không màu và trong túi xách đang đeo trên vai trái của Lê Thị Bích C là người đang ngồi trên ghế hành khách phía trước xe có 02 gói nylon chứa chất tinh thể không màu. C khai nhận toàn bộ

số tinh thể không màu này là ma túy của mình mới mua của một người phụ nữ có tên là Thanh P tại chung cư Oriental Plaza (số 10, đường Âu Cơ, phường R, quận T, Thành phố Y) để sử dụng nên Tổ công tác đã đưa về trụ sở Công an phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 1691/KLGD-H ngày 14/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận các chất tinh thể không màu thu giữ của Lê Thị Bích C là ma túy ở thể rắn, có khối lượng tổng cộng là 53,6617g (50,6853g + 2,9764g), loại Methamphetamine.

Căn cứ lời khai ban đầu của Lê Thị Bích C, lúc 18 giờ, ngày 25/10/2017, tại cầu thang lô C chung cư Oriental Plaza, Công an quận Bình Tân phối hợp cùng Công an phường Tân Thành, quận Tân Phú kiểm tra phát hiện một phụ nữ có tên là Trần Hồng P đang cầm trên tay trái 01 hộp giấy có chữ “kemembe” bên trong có 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu. Hồng P thừa nhận chất tinh thể không màu là ma túy Hồng P đang mang đi giao cho người mua theo yêu cầu của một người phụ nữ của tên gọi là Thanh P2 nhưng chưa kịp giao thì bị phát hiện. Đến 19 giờ, ngày 25/10/2017, tại Lô C chung cư Oriental Plaza, Công an quận Bình Tân phối hợp cùng Công an phường Tân Thành kiểm tra phát hiện một phụ nữ có tên Trần Cao Mai T đang cất giấu một hộp thiếc màu xanh có chữ Doublemint trong túi xách của T bên trong có tổng cộng 42 viên nén nhiều loại khác nhau nghi vẫn là ma túy tổng hợp nên đã lập biên bản về việc bắt người. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T và Hồng P tại căn hộ C-17.01 chung cư Oriental Plaza phát hiện thu giữ: trên nệm giường trong phòng ngủ của T có 01 túi vải màu bạc bên trong có nhiều túi nylon chứa viên nén, nhiều túi nylon chứa tinh thể không màu và trong túi xách của Hồng P có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu; dưới gầm giường trong phòng ngủ của T có 01 hộp nhựa bên trong chứa tinh thể không màu.

Toàn bộ số viên nén và tinh thể không màu thu giữ nêu trên đã được giám định tại Kết luận giám định số: 1696/KLGD-H ngày 20/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh là ma túy ở thể rắn có khối lượng cụ thể như sau:

- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon thu giữ trên tay của Trần Hồng P có khối lượng là 49,7656g, loại Methamphetamine (Gói 1).

- Tinh thể không màu trong 02 gói nylon thu giữ trong túi xách của Trần Hồng P có khối lượng 16,4958g, loại Methamphetamine (Gói 2).

- Các viên nén nhiều loại, các mảnh vụn nhiều màu, các tinh thể và các chất bột màu trắng chứa trong túi vải màu bạc thu trên giường ngủ Trần Cao Mai T có tổng khối lượng ma túy khác ở thể rắn là 41,1661g (38,4349g loại MDMA + 1,5350g loại Methamphetamine + 1,1962g Ketamine). Ngoài ra

còn có 01 gói nylon có chứa tinh thể không màu có khối lượng 1,9874g nhưng không tìm thấy chất ma túy (Gói 3).

- 45 viên nén nhiều loại trong hộp thiếc màu xanh có chữ Doublemint thu giữ trên người Trần Cao Mai T có khối lượng tổng cộng là 17,6706g, loại Methamphetamine (Gói 4).

- Tinh thể không màu bên trong 01 hộp nhựa thu giữ dưới gầm giường trong phòng ngủ của Trần Cao Mai T kết quả giám định có khối lượng 189,84g không tìm thấy ma túy (Gói 5).

Tại Cơ quan điều tra, các bị can khai nhận:

Lê Thị Bích C khai bản thân nghiện ma túy. Thông qua bạn bè ngoài xã hội giới thiệu nên Chi biết một phụ nữ tên gọi là Thanh P2 (không rõ lai lịch) bán ma túy nên chủ động lấy số điện thoại 0933289966 của Thanh P2 nhằm mua ma túy để sử dụng. Chi đã 02 lần mua ma túy của Thanh P2, cụ thể như sau:

- Lần 1: cách ngày bị bắt (24/10/2017) khoảng một tháng C gọi điện thoại cho Thanh P2 đặt mua 2,5g ma túy đá với giá 1.300.000đ, Thanh P2 hẹn C qua khách sạn bên quận Tân Bình để nhận (C không nhớ chính xác tên và địa chỉ khách sạn) khi qua thì C gặp trực tiếp Thanh P2 để nhận ma túy và trả tiền.

- Lần 2: vào lúc 16 giờ, ngày 24/10/2017, C liên hệ qua điện thoại với Thanh P2 để mua 50g ma túy đá với giá 22.000.000đ, Thanh P2 đồng ý bán ma túy cho C và hẹn C đến cầu thang chung cư Oriental Plaza để nhận ma túy. Thỏa thuận xong, C dùng điện thoại gọi Nguyễn Văn Đ thuê dịch vụ Grab taxi đến khách sạn New Sky đón C đi công việc. Khi đến chung cư Oriental Plaza thì C bảo Đ ngồi ngoài xe đợi Chi vào nhưng không gặp Thanh P2 mà gặp Trần Cao Mai T là người trực tiếp gặp C để nhận tiền và chỉ chỗ để ma túy tại cầu thang chung cư để C tự lấy. Sau khi lấy ma túy xong C ra xe kêu Đ chở đến trước nhà số 145, đường số 5, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân thì bị phát hiện bắt giữ. Riêng 03 gói ma túy bỏ trong vỏ gói thuốc lá hiệu Hero là C mua của Đen (không rõ lai lịch) trước ngày bị bắt khoảng 2 tuần sử dụng chưa hết nên cất trong hộp thuốc lá và để ở hộc cửa xe nên Đ không biết.

Trần Hồng P khai nhận quen biết với Trần Cao Mai T khoảng tháng 9 năm 2018. Do mới sinh con chưa tìm được việc làm nên Hồng P nhận đến nhà T phụ dọn dẹp nhà. Trong quá trình phụ việc tại nhà T, Hồng P có biết một người phụ nữ thường gọi tên là Thanh P2 hay ghé nhà T chơi. Hồng P biết được Thanh P2 có mua bán ma túy vì có nghe Thanh P2 liên lạc điện thoại nội dung mua bán ma túy, nhưng Hồng P không tham gia phụ giúp Thanh P2 mua bán ma túy. Đến ngày 24/10/2018, do Thanh P2 có việc về quê

nên có đưa Hồng P 02 gói ma túy đá để cất giữ để khi Thanh P2 yêu cầu thì sẽ đem giao cho người khác. Khoảng 15 giờ ngày 25/10/2017, Hồng P đang ở tại căn hộ nhà của T thì Thanh P2 gọi điện thoại cho Hồng P nhưng không được nên sau đó Thanh P2 gọi điện thoại nhờ T gọi cho Hồng P nói là nghe điện thoại của Thanh P2. Sau đó Thanh P2 gọi lại bảo Hồng P đi xuống tầng hầm để xe gặp một người thanh niên (không rõ lai lịch), nhận 02 gói ma túy đem lên phòng của T cất giữ. Khoảng 30 phút sau, Thanh P2 gọi điện thoại cho Hồng P nói có 01 người phụ nữ tên “Bầu” (không rõ lai lịch) đến để lấy 01 gói ma túy đá thì lấy giao cho một đối tượng phụ nữ tên là “Bầu”. Sau khi “Bầu” đến, Hồng P chỉ nơi để gói ma túy cho “Bầu” tự lấy rồi gọi điện thoại báo cho Thanh P2 biết là đã giao cho Bầu gói ma túy. Khoảng 30 phút sau, Thanh P2 tiếp tục gọi điện thoại cho Hồng P nói lấy 01 gói ma túy còn lại đem xuống tầng hầm để xe giao cho một người khác nhưng Hồng P vừa đem ma túy đi xuống cầu thang chung cư thì bị kiểm tra phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Trần Cao Mai T khai thuê căn hộ C-17.01 Chung cư Oriental Plaza và quen biết với Thanh P2 (không rõ lai lịch) và Trần Hồng P do các mối quan hệ ngoài xã hội. Thanh P2 thường hay qua nhà T chơi, còn Hồng P do mới sinh con chưa tìm được việc làm nên T gọi qua nhà phụ dọn dẹp nhà cho T. Cả ba người thường gặp nhau tại nơi ở của T và T biết Thanh P2 có mua bán ma túy nhưng không tham gia. Ngày 24/10/2017, Thanh P2 báo có việc về quê và gọi cho T 01 túi vải bên trong có nhiều loại ma túy để T cất giữ khi nào cần Thanh P2 gọi cho T giao cho người khác giúp Thanh P2. Khoảng 17 giờ ngày 24/10/2017, Thanh P2 điện thoại cho T nhờ mở túi vải ra lấy 02 gói ma túy đá đem xuống tầng trệt giao cho C và nhận 22.000.000đ. Đến ngày 25/10/2017, do T có việc đi Vĩnh Long nên gọi Hồng P qua coi nhà dùm và Thanh P2 có gọi điện thoại nhờ T lấy 01 hộp kẹo cao su màu xanh có chữ Doublemint bên trong có thuốc lắc đem theo để Thanh P2 liên lạc ghé lấy nhưng Thanh P2 không gọi nên T bỏ trong túi xách đến khi bị bắt thu giữ. Riêng số ma túy thu giữ trong túi vải tại phòng của T, T khai là của Thanh P2 gửi vào ngày 24/10/2017 và nhờ giao cho người khác giúp Thanh P2. Ngày 25/10/2017, Thanh P2 có gọi nhờ T gọi cho Hồng P để nhận và giao ma túy (vì Thanh P2 biết T không có nhà) còn Thanh P2 đã nói Hồng P nhận và giao số lượng ma túy như thế nào thì T không biết.

Vật chứng vụ án:

1. Thu giữ của Trần Cao Mai T:
 - + 03 (ba) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định (gói 3, 4, 5).
 - + 01 (một) điện thoại di động Iphone.
 - + 01 (một) điện thoại di động Zentel.

+ 01 (một) cân điện tử.

+ 01 (một) hộp thiếc màu xanh có chữ Doublemint.

+ 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Thu giữ của Trần Hồng P:

+ 02 (hai) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định (gói 1, 2).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo.

+ 01 (một) hộp giấy có chữ “kemembe”.

3. Thu giữ của Lê Thị Bích C:

+ 02 (hai) gói niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định (gói 1, 2).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung.

+ 01 (một) vỏ bao thuốc lá Hero.

+ 01 (một) túi xách màu nâu.

Bản cáo trạng số: 224/CT-VKS-P1, ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Trần Cao Mai T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Bị cáo Trần Hồng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Bị cáo Lê Thị Bích C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm m, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Cao Mai T và bị cáo Trần Hồng P phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Thị Bích C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Cao Mai T từ 13 (mười ba) năm tù đến 15 (mười lăm) năm tù.

Buộc bị cáo Trần Cao Mai T phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm m khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Hồng P từ 07 (bảy) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

Buộc bị cáo Trần Hồng P phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích C từ 07 (bảy) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

Về vật chứng:

Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư Đỗ Ngọc Oánh bào chữa cho bị cáo Trần Cao Mai T thống nhất với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 10 (mười) năm tù đến 12 (mười hai) năm tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tranh luận. Riêng về phần hình phạt tù do Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo không tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Cao Mai T, Trần Hồng P và Lê Thị Bích C khai nhận hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng.... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Lúc 20 giờ, ngày 24/10/2017, tại trước nhà số 145, đường số 5, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Công an quận Bình Tân phối hợp cùng Công an phường Bình Hưng Hòa kiểm tra hành chính, bắt quả tang và thu giữ Lê Thị Bích C 01 hộp thuốc lá hiệu Hero bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể không màu và trong túi xách đang đeo trên vai trái của C 02 gói nylon chứa chất tinh thể không màu. Kết luận giám định các chất tinh thể không màu thu giữ của C là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Căn cứ lời khai của Lê Thị Bích C, lúc 18 giờ, ngày 25/10/2017, tại cầu thang lô C chung cư Oriental Plaza, Cơ quan công an kiểm tra phát hiện Trần Hồng P đang cầm trên tay trái 01 hộp giấy có chữ “kemembe” bên trong có 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu. Đến 19 giờ, cùng ngày, tại Lô C chung cư Oriental Plaza, Cơ quan công an kiểm tra phát hiện Trần Cao Mai T đang cất giấu một hộp thiếc màu xanh có chữ Doublemint trong túi xách của T bên trong có tổng cộng 42 viên nén nhiều loại khác nhau nghi vẫn là ma túy tổng hợp. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T và Hồng P tại căn hộ C-17.01 chung cư Oriental Plaza phát hiện thu giữ: trên nệm giường trong phòng ngủ của T có 01 túi vải màu bạc bên trong có nhiều túi nylon chứa viên nén, nhiều túi nylon chứa tinh thể không màu; dưới gầm giường trong phòng ngủ của T có 01 hộp nhựa bên trong chứa tinh thể không màu và trong túi xách của Hồng P có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu; Kết luận giám định các chất tinh thể không màu thu giữ của Trần Hồng P và Trần Cao Mai T là ma túy ở thể rắn, thuộc các loại Methamphetamine; loại MDMA và loại Ketamine.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Cao Mai T bị cáo Trần Hồng P đã phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Thị Bích C đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đều xác định bị cáo Trần Cao Mai T có hành vi giao số ma túy có khối lượng 50,6853g, loại Methamphetamine cho Lê Thị Bích C. Ngoài ra, bị cáo T bị kiểm tra phát hiện đang tàng trữ nhằm mục đích bán cho người khác theo yêu cầu của đối tượng Thanh P2 (chưa rõ lai lịch) số ma túy đang cất giấu trong người có khối lượng 17,6706g, loại Methamphetamine và số ma túy tại nơi ở có khối lượng là 41,1661g (38,4349g loại MDMA+1,5350g loại Methamphetamine+1,1962g Ketamine). Hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng khối lượng **109,5220g ma túy gồm các loại Methamphetamine; MDMA và Ketamine** nên thuộc trường hợp mua bán “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam”. Vì vậy, cần phải áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Cao Mai T.

Bị cáo Trần Hồng P có hành vi giao ma túy có khối lượng 49,7656g, loại Methamphetamine cho người khác thì bị phát hiện. Qua khám xét thu giữ số ma túy có khối lượng 16,4958g, loại Methamphetamine mà bị cáo Hồng P đang cất giữ trong túi xách nhằm mục đích bán cho người khác theo yêu cầu của đối tượng Thanh P2 (chưa rõ lai lịch). Như vậy, hành vi của bị cáo Hồng P đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tổng khối lượng **66,2614g ma túy, loại Methamphetamine** phạm tội thuộc trường hợp “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam”. Vì vậy, cần phải áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hồng P.

Bị cáo Lê Thị Bích C tàng trữ ma túy có khối lượng **53,6617g ma túy, loại Methamphetamine** nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của Lê Thị Bích C đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam”. Ngoài ra, bị cáo đã có tiền án, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, cần phải áp dụng điểm m, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị Bích C.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm hại trực tiếp đến trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng. Tất cả các bị cáo đều biết rất rõ ma túy là một tệ nạn xã hội nguy hiểm, không chỉ hủy hoại sức khỏe con người, là

nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần thiết phải áp dụng tội danh và hình phạt của điều luật truy tố quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng thêm khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Trần Cao Mai T và bị cáo Trần Hồng P một khoản tiền để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự phân công vai trò của từng bị cáo. Trong vụ án, đối tượng Thanh P2 là người chủ mưu, chủ động liên hệ với các đối tượng khác để mua bán ma túy. Bị cáo T chỉ là người giao ma túy dùm cho Thanh P2 và nhận tiền từ bị cáo C. Bị cáo Trần Hồng P theo sự chỉ đạo của Thanh P2 nhận ma túy từ một người thanh niên và giao ma túy cho một người phụ nữ tên Bàu.

Về số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Trần Cao Mai T thừa nhận thu lợi bất chính 22.000.000 đồng từ việc giao ma túy cho bị cáo Lê Thị Bích C và nhận tiền dùm cho đối tượng Thanh P2. Xét đây là số tiền phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo T phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước. Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T 10.000.000 đồng. Ngày 17/8/2018, gia đình bị cáo T đã nộp lại 12.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2017/0049429 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, về số tiền thu lợi bất chính trong vụ án bị cáo Trần Cao Mai T đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Bị cáo Trần Cao Mai T là người có trình độ học vấn cao, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nhưng vì tin tưởng vào đối tượng Thanh P2 nên đã có hành vi giúp sức cho Thanh P2 cất giữ ma túy tại nơi ở của T và giúp sức cho Thanh P2 giao ma túy cho người mua. Quá trình điều tra, bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

Bị cáo Trần Hồng P chưa có việc làm ổn định nên có hành vi giúp sức cho đối tượng Thanh P2 mua bán ma túy trong điều kiện phụ thuộc vào công việc giúp việc nhà cho bị cáo Trần Cao Mai T. Quá trình điều tra, bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Bích C là người có trình độ học vấn thấp, bản thân đã có 03 tiền án trong đó có 02 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện. Quá trình điều tra, bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Đối với đối tượng Thanh P2, người đàn ông tên Đen (người bán ma túy cho Lê Thị Bích C), người phụ nữ tên Bầu (người nhận gói nylon từ Hồng P), người thanh niên không rõ tên gọi (giao 02 gói nylon cho Hồng P) cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Mobifone và Công ty cổ phần tập đoàn Vina (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Zalo) cung cấp thông tin liên quan đến Thanh P2 nhưng đến nay chưa có kết quả. Các bị cáo C, T và Hồng P khai không biết rõ nhân thân, lai lịch của các đối tượng có liên quan trong vụ án nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh truy tìm, khi nào truy tìm được sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với 01 (một) sợi dây chuyền vàng có mặt hình tròn 18K, 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai vàng 18K và 8.000.000 (tám triệu) đồng, tại phiên tòa ngày 13/7/2018 bị cáo Trần Hồng P khai nhận cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo đã được trả lại cho cha ruột của bị cáo là ông Trần Hồng P. Bị cáo P đồng ý cho ông P nhận lại số tài sản đã bị thu giữ này và không khiếu nại về việc cơ quan điều tra đã giao tài sản cho ông P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy thu giữ của các bị cáo là vật cấm lưu hành; 01 (một) hộp thiếc màu xanh có chữ Doublemint; 01 (một) hộp giấy có chữ em be; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Hero; 01 (một) túi xách màu nâu thu giữ của các bị cáo là tang vật liên quan đến vụ án, tang vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone; 01 (một) điện thoại di động Zentel; 01 (một) cân điện tử; 10.000.000 (mười triệu) đồng thu giữ của bị cáo Trần Cao Mai T là tang vật liên quan đến vụ án, là số tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của bị cáo Trần Hồng P là tang vật liên quan đến vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của bị cáo Lê Thị Bích C là tang vật liên quan đến vụ án nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe ô tô Hyundai Grand I10, biển số: 51F-442.91 qua xác minh có chủ sở hữu là của ông Đỗ Duy B (chỗ ở: 33/5 khu phố 2, phường H, Quận J, Thành phố Y) và có đăng ký hợp tác với dịch vụ Grabtaxi. Đến tháng 8/2017, ông B cho ông Nguyễn Văn Đ thuê lại xe ô-tô này để hợp tác với dịch vụ Grabtaxi. Ngày 24/10/2017, bị cáo Lê Thị Bích C gọi điện thoại cho ông Đ để thuê dịch vụ taxi đi từ khách sạn New Sky đến chung cư Oriental Plaza. Sau khi bị cáo C nhận ma túy xong thì ông Đ tiếp tục chở bị cáo C đi đến trước nhà số 145, đường số 5, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân thì bị kiểm tra phát hiện có ma túy trên người bị cáo C và trên cửa xe ô tô phía trước bên hành khách. Tuy nhiên, ông Đ không thừa nhận biết việc bị cáo C tàng trữ trái pháp chất ma túy. Lời khai của ông Đ phù hợp với lời khai của bị cáo C và nội dung đối chất giữa ông Đ với bị cáo C nên không có cơ sở xác định ông Đ có liên quan đến các hành vi phạm tội trong vụ án. Cơ quan điều tra lập biên bản tạm giao xe ô tô cho chủ sở hữu là ông Đỗ Duy B quản lý và bảo quản, không được mua bán trao đổi cho đến khi có quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền. Do đây là tài sản của ông B không liên quan đến vụ án nên trả lại chiếc xe trên cho ông B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Trần Cao Mai T** và bị cáo **Trần Hồng P** phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

Bị cáo **Lê Thị Bích C** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

1. Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt Trần Cao Mai T: **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2017.

Buộc bị cáo Trần Cao Mai T phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm m khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt Trần Hồng P: **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2017.

Buộc bị cáo Trần Hồng P phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng điểm m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt Lê Thị Bích C: **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2017.

- Áp dụng Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ghi nhận bị cáo Trần Cao Mai T đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Trả lại cho ông Đỗ Duy B 01 (một) xe ô tô Hyundai Grand I10, biển số: 51F-442.91 (Cơ quan điều tra lập biên bản tạm giao tài sản cho ông Bình ngày 06/02/2018).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- + 01 (một) điện thoại di động Iphone, model A1429.
- + 01 (một) điện thoại di động Iphone, model A1661.
- + 01 (một) điện thoại di động Zentel.
- + 01 (một) điện thoại di động Oppo, Imei:...300832.
- + 01 (một) điện thoại di động Samsung (bung màn, bề mặt kính).
- + 01 (một) cân điện tử.
- + 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) chiếc hộp thiếc màu xanh có chữ Doublemint.
- + 01 (một) vỏ bao thuốc lá Hero.
- + 01 (một) túi xách màu nâu.
- + 01 (một) hộp giấy có chữ em be.
- + 03 (ba) gói niêm phong số 1696 (gói 3, 4, 5) bên ngoài có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Anh Tuấn và ĐTV Nguyễn Thanh Hải, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.
- + 02 (hai) gói niêm phong số 1696 (gói 1, 2) bên ngoài có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Anh Tuấn và ĐTV Nguyễn Thanh Hải, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.
- + 02 (hai) gói niêm phong số 1691 (gói 1, 2) bên ngoài có chữ ký niêm phong của Giám định viên Phan Hoàng Trạc và CBĐT Nguyễn Hữu Phúc, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số: 282/18 ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại kho 253/5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền vào tài khoản số: 3949.0.9059775.00000 tại

KBNN Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/11/2017 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2017/0049429, ngày 17/8/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).).

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- THA HS; (4)
- Phòng PC53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- Người bào chữa; (1)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (28) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Ngôn